

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 15/2021/DS-PT  
Ngày 14 - 01 - 2021  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương  
Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương  
Ông Lê Văn Phận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 333/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 183/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 271/2020/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quê T, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông L, ông V, ông H: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2019).*

4. Ông Nguyễn Vĩnh Đ, sinh năm 1978 (có đơn xin giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

6. Ông Nguyễn Vĩnh P, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

7. Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

8. Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

9. Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

10. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.*

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đém: Ông Phạm Văn R - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L (có đơn xin giải quyết vắng mặt).*

- *Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Quế T.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H trình bày:*

Phần đất thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 15 (thửa cũ là 3944, tờ bản đồ số 02) tọa lạc tại: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre, có nguồn gốc của ông bà nội ông là cụ Nguyễn Văn Đ (chết năm 1979) và bà Nguyễn Thị T (chết năm 1967). Hai cụ

có 5 người con là bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H(chết năm 2006), ông Nguyễn Văn S (chết năm 1972), ông Nguyễn Văn T (chết trong thời kỳ chiến tranh).

Cha của ông là Nguyễn Văn S có 04 người con tên Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Văn C. Do cha ông chết sớm nên ông nội ông có hứa cho 04 anh em ông 04 công đất vườn và 04 công đất ruộng. Năm 1978, cụ Đ thực hiện lời hứa giao cho các anh em ông 04 công đất vườn và 03 công đất ruộng, nhưng do các anh em ông còn nhỏ nên mẹ ông là bà Trương Thị R nhận thay; còn lại 01 công đất ruộng không giữ nước được đã được ông nội lên thành đất vườn và nhập chung với các phần đất ông nội đang canh tác nên chưa giao. Khi cụ Đ chết, toàn bộ phần đất của cụ Đ do ông H thừa kế. Đến năm 1999, các anh em ông đã trưởng thành nên ông H làm văn bản trả 01 công đất này cho các anh em ông, do ông đứng ra nhận thay. Văn bản do ông Đỗ Quang V viết thay, ông H ký tên dưới sự chứng kiến của ông, bà Nguyễn Thị H (con út cụ Đ), bà Nguyễn Thị S (con thứ 2 cụ Đ) và có sự xác nhận của Trưởng ấp là ông Lê Thành P (hiện đã chết). Từ năm 1999 ông H đã giao thửa đất lại cho ông canh tác, do trong gia đình nên ông không làm thủ tục tách thửa để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Năm 2006 ông H chết. Sau khi ông H chết, vợ ông H là bà Nguyễn Thị L và các con làm thủ tục thừa kế thì có hứa sẽ làm thủ tục tách thửa 01 công đất này cho ông để ông được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009 ông, bà L và các con của bà L ra xã để làm thủ tục nhận thừa kế thì cán bộ xã là ông T (tư pháp) và ông N (địa chính) giải thích là do ông không phải hàng thừa kế của ông H nên không làm thủ tục nhận thừa kế được mà phải do vợ hoặc con của ông H nhận thay, đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi sau đó mới chuyển lai cho ông, do đó bà L quyết định để cho ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất của ông.

Sau khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L giao cho ông giữ. Đến năm 2013, ông ra Văn phòng đăng ký đất đai để làm thủ tục tách thửa thì Văn phòng đăng ký giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mấy ngày sau ông T làm đơn cơ mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Do ông đang giữ đất và ông T cũng là họ hàng trong gia đình nên ông không khởi kiện. Đến ngày 13/9/2017 ông T chiếm lại phần đất này và canh tác cho đến nay. Do đó ông mới khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T nhưng TAND tỉnh Bến Tre đã đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện nên ông mới khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất.

Nay ông và các anh em của ông yêu cầu ông T di dời nhà, cây trồng trên đất trả lại cho ông phần đất thuộc thửa 298, tờ bản đồ 15, diện tích 1.037,6m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho ông Nguyễn Quế T vào ngày 27/5/2013.

*Bị đơn ông Nguyễn Quế T trình bày:*

Ông đang quản lý sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thuộc thửa 298, tờ bản đồ 15 (trước đây là một phần của thửa 2817, 2818, tờ bản đồ số 02), tọa lạc ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Nguyễn Thị T để lại cho cha mẹ ông là Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L. Năm 2006 cha ông chết, đến năm 2010 mẹ ông và các người con làm thủ tục khai nhận thừa kế và ông được thừa kế phần đất này. Từ năm 2011 ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cuối năm 2011 ông lập gia đình và về sống trên phần đất này. Khoảng giữa năm 2012, ông bị thất lạc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên năm 2013 ông làm đơn có mất và được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/5/2013. Đối với giấy trả đất năm 1999 ông không biết là có phải của ông Hký hay không vì ông không nghe nói gì về sự việc này. Lúc này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ gia đình đứng tên nên nếu có trả đất thì phải có ý kiến của mẹ ông là bà L và các thành viên trong hộ. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C, vì phần đất này ông nhận thừa kế từ ông H, ông không có mua bán hay thỏa thuận gì với ông C.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện L trình bày:*

Theo hồ sơ địa chính xã T ghi nhận, thửa đất số 298, tờ bản đồ 15 (đo đạc chính quy) xã T thuộc một phần thửa đất số 2817, tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ gốc) xã T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H ngày 20/7/1990.

Ngày 04/5/2011 ông T có đơn đề nghị đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. lý do biến động: nhận thừa kế quyền sử dụng đất. Phần đất thuộc một phần thửa 2817 tờ bản đồ số 02, diện tích 966 m<sup>2</sup> (thửa 3944). Ông T được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00576 ngày 10/5/2011.

Năm 2011 đo đạc chính quy thửa 3944, tờ bản đồ số 02 đổi thành thửa 298, tờ bản đồ 15, ông T đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 02355 ngày 27/5/2013.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T theo trình tự thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, trên cơ sở phân chia thừa kế của vợ và các con ông Nguyễn Văn H được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 21/3/2011 là đúng theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Năm 2011 bà về sống cùng với ông Nguyễn Quế T trên phần đất mà các bên tranh chấp. Phần đất này là của cha mẹ ông T cho và ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vĩnh Đ trình bày:*

Ông không có liên quan gì đến phần đất tranh chấp giữa ông C và ông T, các vấn đề có liên quan do ông T quyết định, do bận công việc nên ông yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án các cấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 183/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Quế T về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

1.1. Buộc ông Nguyễn Quế T và bà Nguyễn Thị Kim N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.037,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre với số tiền là 363.160.000 (ba trăm sáu mươi ba triệu một trăm sáu mươi ngàn) đồng.

1.2. Ông Nguyễn Quế T được trọn quyền sử dụng phần đất 1.037,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên đất. Phần đất có tứ cận như sau:

- Đông giáp đường đất dài 22,96m.
- Tây giáp thửa 299 (Nguyễn Văn H) dài 21,32m.
- Nam giáp thửa 314 (Nguyễn Thị Thúy L) dài 33,12m; giáp thửa 320 (Nguyễn Vĩnh P) dài 14,90m.
- Bắc giáp thửa 272 (bà Nguyễn Thị Rỡ) dài 45,76m.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho ông Nguyễn Quế T đối với thửa đất số 298, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/10/2020, ông Nguyễn Quế T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 183/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả các bên đương sự tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về nguồn gốc đất:**

Các đương sự thống nhất trình bày phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế có diện tích 1.037,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 298, tờ bản đồ 15 (thửa cũ 3944, tờ bản đồ số 02) tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Nguyễn Thị T. Sau khi cụ Đ, cụ T chết thì phần đất này do ông Nguyễn Văn H (cha của ông T) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp và xét kháng cáo của bị đơn:**

[2.1] Theo nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp được cụ Đ và cụ T tặng cho các con ông S, nhưng sau khi cụ T và cụ Đ chết thì phần đất này do ông Nguyễn Văn H (cha của ông T) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1999, ông H làm giấy trả đất và giao phần đất tranh chấp cho nguyên đơn quản lý sử dụng. Năm 2006 ông H chết, do ông không phải là hàng thừa kế của ông H nên không được làm thủ tục nhận thừa kế, nên bà L (mẹ ông T) để cho ông T đứng tên phần đất này rồi hứa sẽ chuyển quyền sử dụng đất lại cho ông nhưng ông T không

thực hiện. Từ năm 2017 ông T vào lấy đất và canh tác cho đến nay. Phía bị đơn ông Nguyễn Quế T không đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn, không đồng ý giao trả đất, vì cho rằng phần đất này do ông nhận thừa kế hợp pháp từ cha ông là ông Nguyễn Văn H, ông không biết gì về “Tờ xin trả đất lại cho cháu” do ông H ký tên và không biết có phải là chữ ký của ông H hay không nhưng ông không yêu cầu giám định. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông C, buộc ông T và người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị Kim N phải giao trả lại phần đất nêu trên cho ông C nhưng trả bằng giá trị, không đồng ý bản án sơ thẩm, ông T kháng cáo.

[2.2] Nguyên đơn căn cứ vào “Tờ trả đất cho cháu” ngày 18/01/1999; Văn bản phân chia di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 30/12/2009 thể hiện ông C thừa hưởng 966m<sup>2</sup> thuộc thửa 2817, tờ bản đồ số 2; Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 17/02/2011 phần đất này nằm trong phần thừa kế ông T đứng tên thay cho ông để yêu cầu ông T giao trả đất.

Xét thấy, “Tờ xin trả đất cho cháu” đề ngày 18/01/1999 có nội dung ông Nguyễn Văn H đồng ý trả lại cho cháu 01 công đất vườn nhưng không nêu tứ cận, vị trí cụ thể của phần đất được giao trả lại trong khi ông H đang quản lý, sử dụng phần đất có tổng diện tích khoảng 10.850m<sup>2</sup>, thuộc các thửa 2051, 2052, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre và theo lời trình bày của bị đơn khoảng năm 2002-2003 ông H cũng đã chuyển nhượng một phần diện tích cho người khác. Năm 2006 ông H chết, phần đất tranh chấp nằm trong di sản ông H để lại. Sau khi ông H chết thì những người thừa kế của ông H gồm vợ và các con đã tiến hành làm thủ tục phân chia di sản thừa kế của ông H để lại. Theo ông T thì Văn bản phân chia di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 30/12/2009 có tên của ông C là do mẹ của ông là bà Nguyễn Thị L có hứa cho, nhưng do ông C có thái độ không tốt đối với gia đình của ông, sau đó mẹ ông và các anh chị em của ông không đồng ý cho và đã lập lại tờ phân chia khác. Cho nên, phần đất tranh chấp là phần đất của ông T nhận theo thủ tục thừa kế và ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2011, nhưng ông C cũng không có ý kiến gì.

[2.3] Đồng thời, ông C cho rằng kể từ ngày ông H ký vào giấy trả đất ngày 18/01/1999 và cũng là ngày ông nhận đất canh tác trồng cây sầu riêng, đến ngày 13/9/2017 thì phía ông T vào chiếm đất sử dụng, ông có báo chính quyền địa phương. Tuy nhiên, theo ông Lê Văn H là Trưởng ấp C, xã T xác nhận rằng năm 2013 ông T vào nhổ bỏ sầu riêng của ông C trồng và ông T quản lý canh tác cho đến nay. Những người làm chứng khác như: ông Nương thì cho rằng khoảng năm 1995 -1996 ông C có đến phần đất này để cải tạo đất đắp mô trồng sầu riêng, còn ông Hiệp cho rằng năm 1997 các anh em ông C vào canh tác đất, năm 2018 thì ông

T vào chiếm phần đất này và đốn bỏ những cây sầu riêng do ông C trồng. Lời khai của những người làm chứng mâu thuẫn với lời khai của ông C về thời gian.

Ngoài ra, ông C cho rằng năm 2011 bà L (mẹ của ông T) giao cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp, nhưng do tình nghĩa gia đình các anh em của ông không làm thủ tục tách thửa. Đến năm 2013 ông có đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện L để làm thủ tục tách thửa, nhưng Văn phòng đăng ký đất đai cho biết là ông T có đơn có mất vào ngày 13/3/2013 và ông T cũng được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên vào ngày 27/5/2013. Sự việc này ông biết nhưng cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Như vậy, nguyên đơn căn cứ vào lời hứa của ông Nguyễn Văn Đ (ông nội của nguyên, bị đơn), “Tờ xin trả đất lại cho cháu” ngày 18/01/1999; Văn bản phân chia di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 30/12/2009 để yêu cầu bị đơn trả đất là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho ông Nguyễn Quế T đối với phần đất tranh chấp. Xét thấy, ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2011 theo thủ tục nhận thừa kế, như đã nêu ông C biết rõ sự việc này và cũng đồng ý, không có tranh chấp hay khiếu nại gì, do đó việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quế T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên trên, xét thấy kháng cáo của ông T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sửa án sơ thẩm, bác cầu toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 6.294.000 (sáu triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn) đồng, ông C đã nộp xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 2.450.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017514 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông C số tiền là 2.150.000 (hai triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Quế T không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0001779 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quế T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 183/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các điều 147, 157, 165, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Nguyễn Quế T trả lại phần đất có diện tích 1.037,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Quế T đối với thửa đất số 298, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 6.294.000 (sáu triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn) đồng, ông C đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 2.450.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017514 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông C số tiền là 2.150.000 (hai triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quế T không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Quế T số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0001779 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hương**